FireAnt

CTCP Dược Trung ương Mediplantex (HNX: MED)

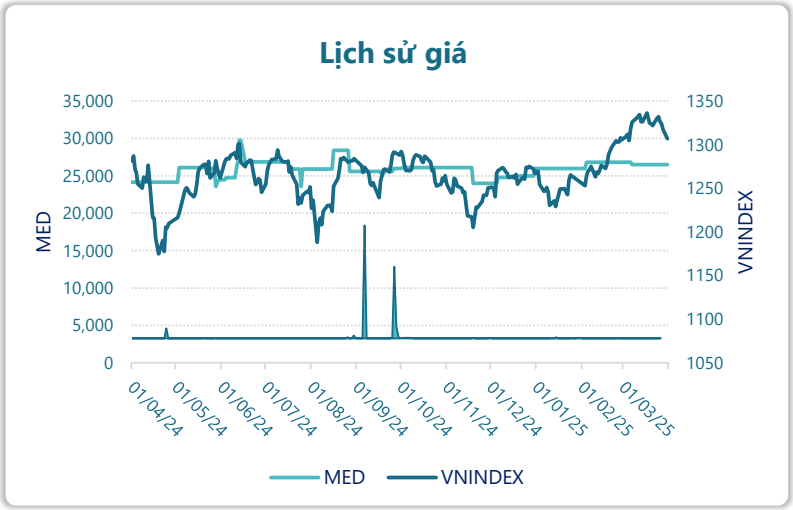

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,766
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,581
SL cổ phiếu LH	12,410,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,150
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	329
P/E	24.3
EPS	1,091

DT thuần

Q1/25

75.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.6| -28.8%

YoY: ▼29.6| -28.2%

LN sau thuế

Q1/25

2.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.72| -24.8%

YoY: ▼1.65| -43.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2024

443

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.0| 10.0%

LN sau thuế

2024

15.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.50| 29.8%

ROE

2024

4.6%

+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh

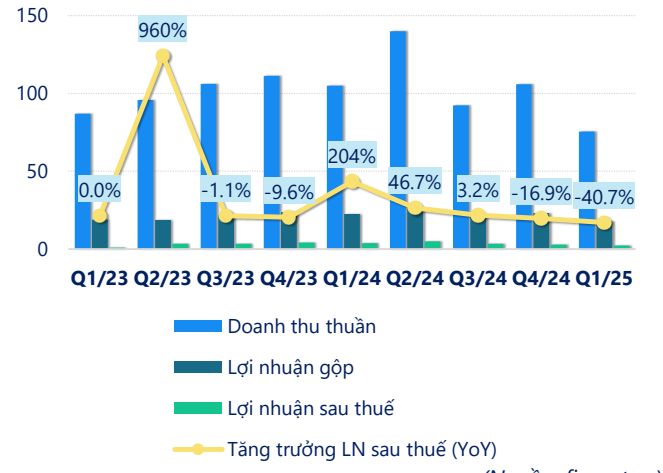

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

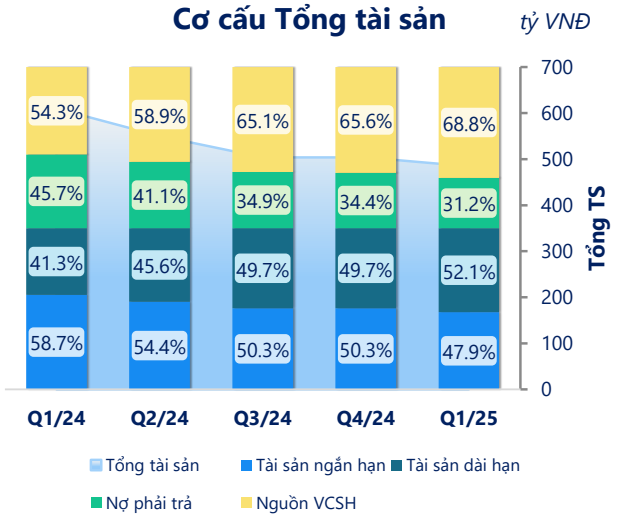

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

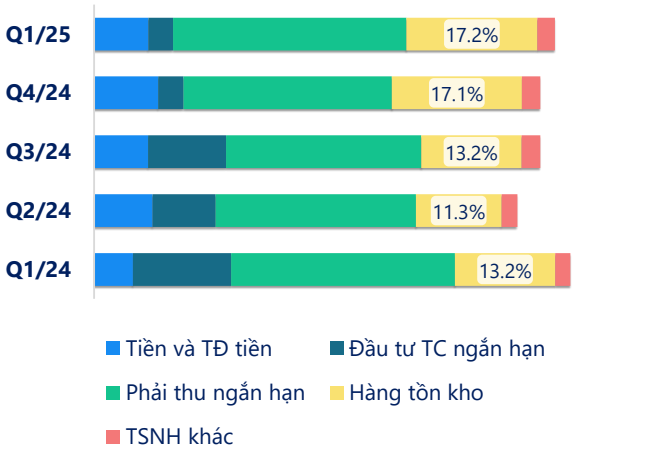

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

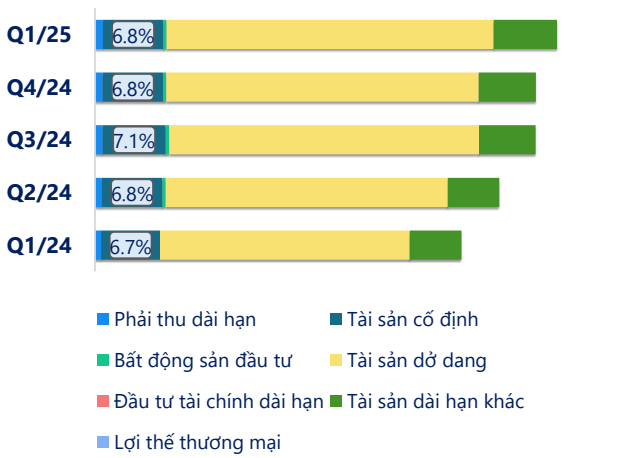

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

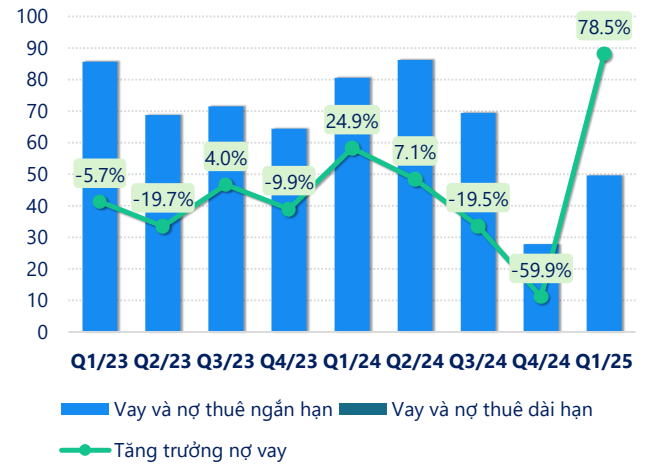

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

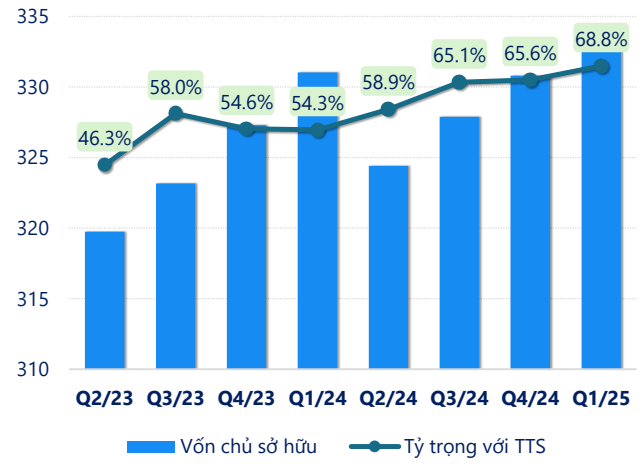

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

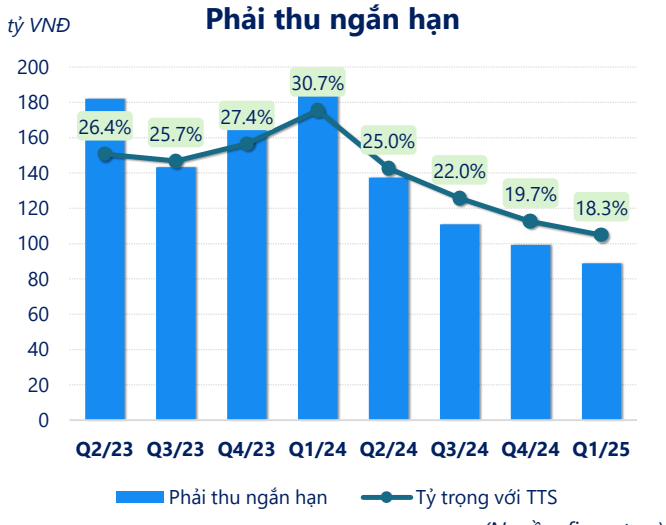

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

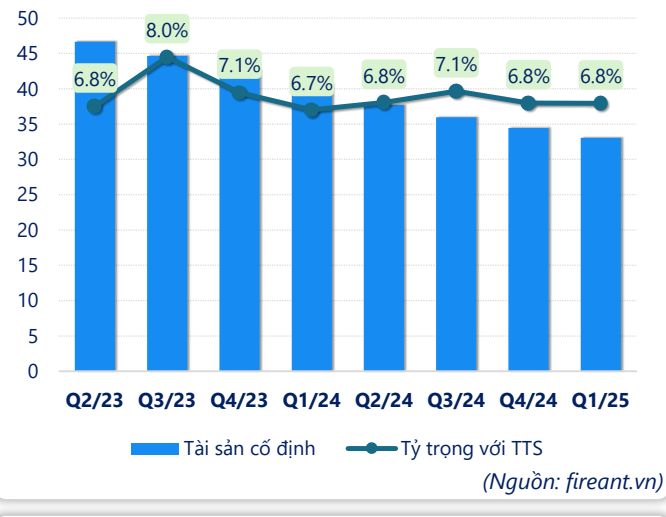

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

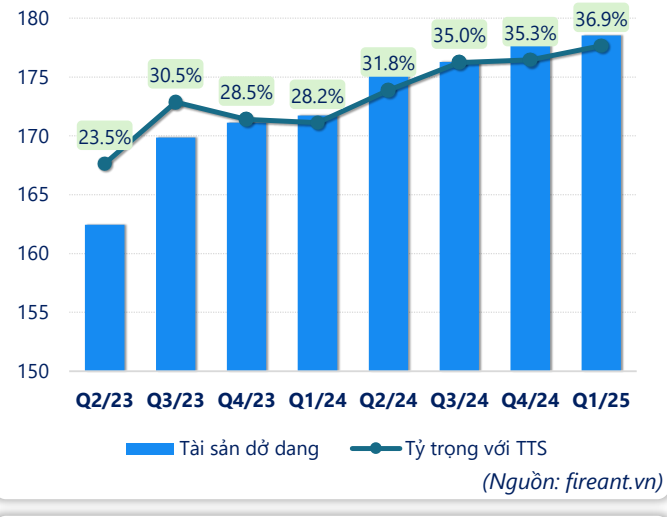

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

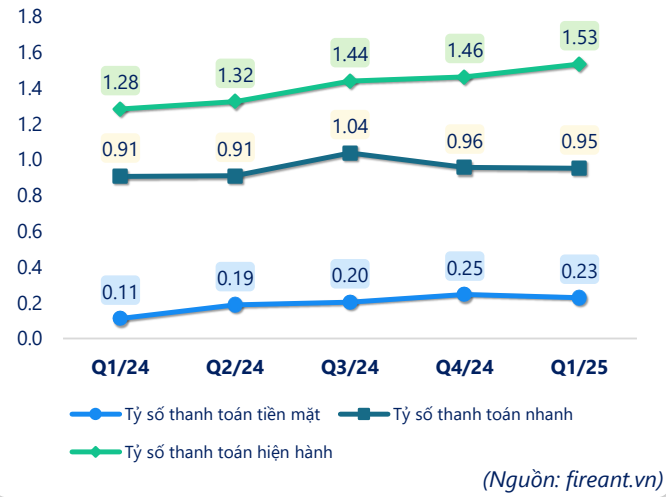

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

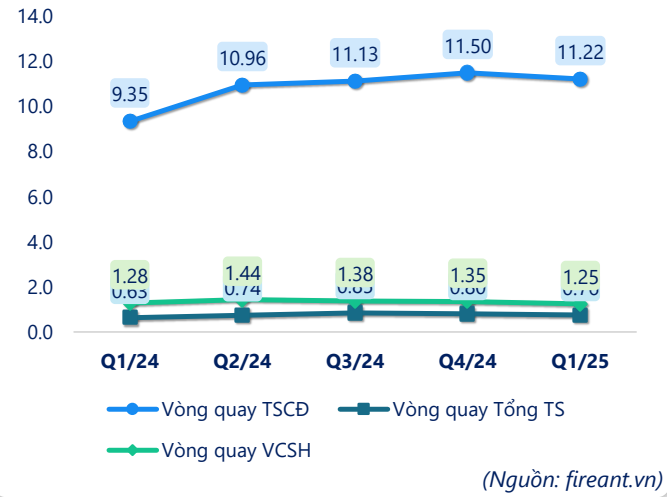

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**610**	**551**	**504**	**504**	**484**
Tài sản ngắn hạn	**358**	**299**	**253**	**253**	**232**
Tiền và tương đương tiền	31.2	42.4	35.7	42.6	34.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	12.0	24.0	12.0	9.00
Phải thu ngắn hạn	187	137	111	99.2	88.8
Hàng tồn kho	105	93.5	70.8	87.7	88.1
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	14.1	12.0	11.7	11.3
Tài sản dài hạn	**252**	**251**	**251**	**251**	**252**
Phải thu dài hạn	4.22	4.22	4.29	4.29	4.29
Tài sản cố định	40.6	37.7	36.0	34.4	33.1
Bất động sản đầu tư	0	2.03	1.95	1.88	1.82
Tài sản dở dang	172	175	176	178	179
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.6	32.1	32.1	32.4	34.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**279**	**226**	**176**	**173**	**151**
Nợ ngắn hạn	**279**	**226**	**176**	**173**	**151**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.5	86.2	69.4	27.8	49.6
Phải trả người bán ngắn hạn	64.9	62.1	42.0	78.3	52.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**331**	**324**	**328**	**331**	**333**
Vốn chủ sở hữu	**331**	**324**	**328**	**331**	**333**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)